

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phân khu
Khu công nghiệp Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000;

Xét đề nghị của: Sở Xây dựng tại Báo cáo số 284/BC-SXD ngày 25/5/2026 về kết quả thẩm định điều chỉnh QHPK Khu công nghiệp Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2000; Công ty cổ phần thép Việt Úc tại Tờ trình số 66/TT-VU ngày 06/6/2026; ý kiến thống nhất của các Sở, ngành tại phiên họp ngày 29/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2.000 với các nội dung chính như sau:

1. Lý do điều chỉnh quy hoạch

Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Mỹ Thái được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 21/12/2023; ngày 11/02/2025, Công ty Cổ phần thép Việt Úc được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 260/QĐ-TTg. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện dự án có tồn tại một số nội dung chưa phù hợp với nhu cầu thực tiễn và cần phải điều chỉnh. Để đảm bảo phù hợp theo quy định hiện hành, kịp thời đáp ứng nhu cầu thực tiễn cho lợi ích cộng đồng, việc Điều chỉnh Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2.000 là cần thiết.

2. Ranh giới, phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch

a) Vị trí: Khu công nghiệp Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh thuộc địa giới hành chính xã Mỹ Thái và xã Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh, có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc: Giáp Khu dân cư và cánh đồng thôn Chi Lễ, thôn Cầu Trong, xã Mỹ Thái;

+ Phía Nam: Giáp Khu dân cư các thôn Chi Lễ, Cầu Ngoài, Cầu Trong, xã Mỹ Thái;

+ Phía Đông: Giáp đồng thôn Thượng, xã Mỹ Thái và TDP Hoàn Sơn, xã Lạng Giang;

+ Phía Tây: Giáp Khu dân cư thôn Đức Thọ và đê Dương Đức, xã Mỹ Thái.

b) Quy mô diện tích khoảng: 158,52ha.

3. Tính chất

Là khu công nghiệp tổng hợp đa ngành, có công nghệ hiện đại, tiên tiến, chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất và lắp ráp; có tính chất kỹ thuật cao, công nghiệp thân thiện với môi trường. Thu hút các ngành công nghiệp theo định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh: Ngành công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng; Ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin; Công nghiệp cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa; Các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm; công nghiệp chế biến sâu 3 nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống; công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; công nghiệp phụ trợ...

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Một số chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật:

- Đất giao thông: $\geq 10\%$;
- Đất cây xanh: $\geq 10\%$;
- Đất hạ tầng các khu kỹ thuật: $\geq 1\%$.

5. Các nội dung chính của quy hoạch điều chỉnh

5.1. Quy hoạch sử dụng đất

a) Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU CHỈNH

TT	LOẠI ĐẤT	ĐỒ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT		SAU ĐIỀU CHỈNH		TĂNG (+) GIẢM (-)	Theo QCVN 01:2021
		DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)		
1	Đất dịch vụ	5,67	3,54	6,56	4,14	+0,89	
2	Đất hạ tầng kỹ thuật	2,09	1,31	2,31	1,46	+0,22	$\geq 1\%$
3	Đất an ninh	-	-	2,03	1,28	+2,03	$\geq 2ha$
4	Đất nhà máy - nhà xưởng	94,92	59,34	96,86	61,10	+1,94	
5	Đất cây xanh - mặt nước	25,17	15,73	25,24	15,92	+0,07	$\geq 10\%$
5.1	Đất cây xanh- cây xanh cách ly	16,02	10,01	16,11	10,16	+0,09	
5.2	Đất mặt nước	9,15	5,72	9,13	5,76	-0,02	
6	Đất giao thông	32,12	20,08	25,51	16,09	-6,61	$\geq 10\%$
6.1	Đất bãi xe	3,70	2,31	2,35	1,48	-1,35	
6.2	Đường giao thông nội bộ	28,42	17,77	23,16	14,61	-5,26	
	Tổng	159,97	100,00	158,52	100,00	-1,45	

b) Bảng chỉ tiêu cho từng lô đất (thể hiện trong hồ sơ kèm theo Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng)

5.2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

- Tuân thủ theo định hướng tổ chức không gian được duyệt.
- Khu công nghiệp được tổ chức thành các khu đất với chức năng chính: hành chính - dịch vụ, cây xanh và mặt nước, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật và bãi đỗ xe được kết nối thông qua các hệ thống các trục đường giao thông, cụ thể như sau:

+ Khu đất hành chính - dịch vụ phục vụ khu công nghiệp được quy hoạch tại cửa ngõ của KCN, kết hợp với không gian cây xanh và nút giao vòng xuyên, tạo điểm nhấn cho khu quy hoạch;

+ Hệ thống cây xanh - mặt nước được bố trí theo dải bao xung quanh KCN, nhằm đảm bảo khoảng cách ly môi trường, tạo không gian xanh, đồng thời tăng cường khả năng tiêu thoát nước của KCN. Khu vực khuôn viên cây xanh được quy hoạch tập trung xung quanh khu dân cư hiện trạng, các công trình hạ tầng kỹ thuật;

+ Khu đất hạ tầng kỹ thuật quy hoạch các công trình trạm cấp điện, trạm cấp nước và trạm xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật;

+ Khu đất công nghiệp được bố trí thành các ô đất có quy mô diện tích đa dạng (có thể thu hút các doanh nghiệp vừa và nhỏ). Nước thải và chất thải của các nhà máy được thu gom, xử lý tại trạm xử lý nước thải, trạm xử lý rác thải trong khu quy hoạch đảm bảo theo tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường;

+ Bãi đỗ xe tập trung được bố trí thành 02 khu, đảm bảo bán kính phục vụ cho toàn KCN.

5.3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống giao thông

- Quy hoạch giao thông:

+ Mặt cắt 1-1 (tuyến đường D3): Quy mô mặt cắt ngang $B = 21,0\text{m}$; trong đó phạm vi đất giao thông là $21,0\text{m}$; Mặt đường: $6,0\text{m} \times 2 = 12,0\text{m}$; Vĩa hè: $6,0\text{m} + 3,0 = 9,0\text{m}$.

+ Mặt cắt 2-2 (tuyến đường N1+N3): Quy mô mặt cắt ngang $B = 18,0\text{m}$; trong đó phạm vi đất giao thông là $18,0\text{m}$; Mặt đường: $4,5\text{m} \times 2 = 9,0\text{m}$; Vĩa hè: $6,0\text{m} + 3,0 = 9,0\text{m}$.

+ Mặt cắt 3-3 (tuyến đường N2): Quy mô mặt cắt ngang $B = 36,0\text{m}$; trong đó phạm vi đất giao thông là $36,0\text{m}$; Mặt đường: $10,5\text{m} \times 2 = 21,0\text{m}$; Vĩa hè: $6,0\text{m} \times 2 = 12,0\text{m}$; Dải phân cách $3,0\text{m}$.

+ Mặt cắt 4-4 (tuyến đường D2): Quy mô mặt cắt ngang $B = 53,0\text{m}$; trong đó phạm vi đất giao thông là $53,0\text{m}$; Mặt đường: $7,5\text{m} \times 2 = 15,0\text{m}$; $2 \times 6,0\text{m} + 2 \times 3,0\text{m} = 18,0\text{m}$; Dải phân cách (mương thoát nước) $20,0\text{m}$.

+ Mặt cắt 5-5 (tuyến đường D1): Quy mô mặt cắt ngang $B = 27,0\text{m}$ trong đó phạm vi đất giao thông là $27,0\text{m}$; Mặt đường: $7,5\text{m} \times 2 = 15,0\text{m}$; Vĩa hè: $6,0\text{m} \times 2 = 12,0\text{m}$.

- Bãi đỗ xe: Quy hoạch 02 bãi đỗ xe với diện tích khoảng $2,35\text{ ha}$.

b) Quy hoạch cao độ nền xây dựng

- Hướng dốc san nền trong lô đất dốc về các trục đường bao quanh lô đất, độ dốc san nền $\geq 0,15\%$.

- Phương án san lấp dựa vào độ dốc tự nhiên của địa hình và hiện trạng thoát nước. Tận dụng địa hình tự nhiên và cảnh quan của khu vực quy hoạch có kênh nước chảy qua nên chọn phương án san nền giạt cấp, dốc về phía kênh.

- Cao độ khống chế: $H_{min} = +6,35m$; $H_{max} = +9,30m$.

c) Thoát nước mưa

Thoát nước mưa được chia làm 4 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Diện tích lưu vực (giáp ranh với khu vực lập quy hoạch) khoảng 66,22ha bao gồm toàn bộ khu vực hiện trạng phía Đông Nam (thôn Thượng xã Mỹ Thái) thoát về mương tiêu hoàn trả phía Nam của khu Công nghiệp Mỹ Thái.

+ Lưu vực 2: Diện tích lưu vực khoảng 35,48ha (giáp ranh với khu vực lập quy hoạch) bao gồm toàn bộ khu vực hiện trạng phía Đông Nam (thôn Thượng xã Mỹ Thái) thoát về mương tiêu hoàn trả phía Bắc của khu Công nghiệp Mỹ Thái.

+ Lưu vực 3: Diện tích lưu vực khoảng 125.15ha (giáp ranh với khu vực lập quy hoạch) bao gồm toàn bộ khu vực hiện trạng phía Nam (thôn Cầu Trong, Cầu Ngoài xã Mỹ Thái) thoát về mương tiêu hoàn trả phía Nam của khu Công nghiệp Mỹ Thái.

+ Lưu vực 4: Toàn bộ diện tích lưu vực chính của Khu công nghiệp thoát về các mương tiêu phía Nam, Bắc và mương tiêu nằm giữa Khu công nghiệp.

Toàn bộ 04 lưu vực sẽ tập trung thoát về mương tiêu phía Bắc, hướng thoát từ Đông sang Tây và từ Nam lên Bắc rồi đổ ra mương tiêu hiện trạng, sau đó thoát qua công hiện trạng Đức Mại và đổ ra sông Thương.

Nước mưa được thu vào các ga thu trực tiếp, chảy vào đường cống thoát nước từ D600 đến D1800mm; cống hộp BxH=3,5X3,5m; BxH=4x4m; 2XBxH=4x4m. Cả 4 lưu vực đổ về mương tiêu quy hoạch có kích thước trung bình BxH= 20x3m. Sau đó đổ ra kênh nhánh Ngòi Đức Mại và thoát ra sông Thương qua cống tiêu tự chảy Đức Mại.

Quy hoạch mương tiêu có kích thước từ BxH= 20x3m ở phía Nam và mương BxH=20x3m nằm ở phía Bắc nhằm hoàn trả mương tiêu hiện có của khu vực và tiêu thoát nước cho Khu công nghiệp.

Quy hoạch hoàn trả nương tưới B500 đầu nối từ trạm bơm Đồi Vụ hiện trạng nằm ở phía Bắc KCN nhằm đảo bảo tưới cho nông nghiệp tại phía Nam của KCN.

d) Cấp nước

- Tổng nhu cầu sử dụng nước khoảng: 7.700 m³/ngđ;

- Nguồn cấp: Bố trí 02 nguồn cấp nước cho khu vực quy hoạch, cụ thể:

+ Giai đoạn I: Nguồn cấp nước lấy từ nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang. Điểm đầu nối vào khu vực trích từ tuyến ống D300 dọc vỉa hè tuyến đường ĐH07 (Đường Tân Dĩnh-Dương Đức), nằm ở phía Tây giáp khu vực lập quy hoạch.

+ Giai đoạn II: Đầu tư xây dựng trạm cấp nước tập trung (trạm bơm tăng áp) của khu công nghiệp đặt tại khu đất hạ tầng (HTKT.1+2) với công suất 8.000m³/ngđ, phục vụ cấp nước sinh hoạt, sản xuất và phòng cháy. Nguồn nước thô dẫn về trạm dự kiến lấy từ nước mặt sông Thương.

- Hệ thống cung cấp nước chữa cháy được thiết kế theo nguyên tắc hệ thống cung cấp nước áp lực thấp. Khi có cháy, xe chữa cháy lấy nước tại các trụ nước chữa cháy, các trụ nước chữa cháy được bố trí trên các đường ống cấp dọc theo các tuyến đường để thuận tiện cho xe vào lấy nước chữa cháy, khoảng cách giữa các trụ nước chữa cháy không quá 150m.

đ) Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng

- Giải pháp cấp điện:

+ Tổng nhu cầu cấp điện cho khu vực lập quy hoạch khoảng: 65,2 MVA;

+ Nguồn điện: Nguồn cấp điện cho khu vực quy hoạch được dẫn từ đường dây cao thế 110kV dẫn về trạm biến áp 110/22kV 2x63MVA và được bố trí tại khu đất hạ tầng (HTKT.1+2) của khu công nghiệp.

+ Nguồn điện được bổ sung từ điện mặt trời (NLMT) với công suất dự kiến khoảng 29 MVA.

+ Mạng lưới trung áp: Lưới 22kV cấp vào dự án được đi ngầm dưới vỉa hè giao thông nhằm đảm bảo mỹ quan cho khu quy hoạch.

+ Hệ thống đường dây cấp điện trung thế, hạ thế nội bộ trong KCN được thiết kế hạ ngầm.

- Giải pháp điện chiếu sáng:

+ Hệ thống đường dây chiếu sáng, hạ thế được bố trí đi ngầm trên vỉa hè.

+ Đèn chiếu sáng dùng đèn LED (công suất 120-150W) có ánh sáng màu trắng hoặc đèn có các thông số kỹ thuật tương đương. Nguồn điện cấp cho mạng

lưới chiếu sáng từ pin năng lượng mặt trời gắn trên cột chiếu sáng.

+ Để phù hợp với địa hình thực tế, bố trí đèn 1 phía hoặc 2 phía tùy thuộc vào mặt cắt ngang đường và có khoảng cách đèn từ 30÷40m. Đường có mặt cắt trên 10m bố trí 2 bên đường, còn lại bố trí một bên.

e) Thông tin liên lạc

- Tổng nhu cầu thuê bao khoảng: 1.668 thuê bao.

- Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới hạ tầng thông tin liên lạc (hào kỹ thuật, ống chờ cáp, hố ga, bể cáp...) được xây dựng ngầm và đồng bộ với hệ thống đường giao thông, đảm bảo hoàn thiện mạng lưới thông tin liên lạc theo từng giai đoạn phát triển, được ghép vào mạng viễn thông của khu vực.

- Bố trí các trạm BTS thân thiện môi trường tại khu vực cây xanh, dải phân cách hoặc trên vỉa hè tùy từng vị trí, đảm bảo mỹ quan và bán kính phục vụ trong khu công nghiệp.

f) Quy hoạch thoát nước thải, bảo vệ môi trường

- Thoát nước thải:

+ Tổng lưu lượng nước thải phát sinh Q_{max} khoảng: 5.000 m³/ngđ.

+ Nước thải trong các lô đất công nghiệp được xử lý cục bộ tại chỗ trước khi thu về Trạm xử lý của Khu công nghiệp đặt tại lô đất HTKT-03.

+ Mạng lưới đường ống thoát nước thải được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa; đường ống thoát nước thải đi ngầm dưới vỉa hè, độ dốc tuyến ống tối thiểu $i_{min} = 1/D$.

+ Nước thải sau khi xử lý của Khu công nghiệp phải đạt giới hạn cột A theo QCVN 40:2025/BTNMT trước khi thoát ra hệ thống kênh mương thoát nước.

** Khuyến khích: áp dụng phương pháp xử lý nước thải sinh hoạt bằng công nghệ thuần sinh học, xử lý tại nguồn kết hợp cục bộ; lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà.*

- Chất thải rắn:

+ Tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh khoảng 42,03 tấn/ngày;

+ Việc thu gom rác được thực hiện hằng ngày từ những nơi trực tiếp thải rác ra như: nhà máy, xí nghiệp, khu dịch vụ - điều hành, đường phố. Rác thải sau khi thu gom sẽ được vận chuyển về khu xử lý rác thải tập trung theo quy hoạch.

g) Giải pháp bảo vệ môi trường

Hồ sơ đã đánh giá môi trường theo các quy định hiện hành, khi triển khai thực hiện cần tuân thủ các giải pháp để đảm bảo phát triển bền vững, giảm thiểu các tác động ảnh hưởng đến môi trường toàn khu vực.

h) Vị trí đường dây, đường ống kỹ thuật

Hệ thống thông tin liên lạc, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và nước mưa trên các trục đường đều bố trí trên phần đất hè đường và hành lang hạ tầng kỹ thuật.

5.4. Những hạng mục chính cần ưu tiên đầu tư xây dựng

- Hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện và khu xử lý nước thải.

- Công trình: Khu hành chính - dịch vụ, nhà xưởng sản xuất, khuôn viên cây xanh mặt nước, bãi đỗ xe, cây xanh - thể dục thể thao...

5.5. Quy định quản lý theo quy hoạch

Có quy định quản lý quy hoạch kèm theo hồ sơ điều chỉnh quy hoạch

(Chi tiết các nội dung theo báo cáo thẩm định số 284/BC-SXD ngày 25/5/2026 và hồ sơ, bảng biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

a) Công ty Cổ phần thép Việt Úc có trách nhiệm:

- Chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan chức công bố, công khai hồ sơ điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật, đồng thời báo cáo và đề nghị công bố trên trang thông tin điện tử Cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh Bắc Ninh theo quy định;

- Tổ chức triển khai cắm mốc giới và quản lý xây dựng theo quy hoạch đảm bảo đúng quy định; quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn các phường đảm bảo theo đúng quy định, tránh tình trạng lấn chiếm, vi phạm quy hoạch;

- Hoàn thiện hồ sơ, các nội dung thuyết minh, bản vẽ, quy định quản lý theo hồ sơ điều chỉnh quy hoạch theo đúng quy định (sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Xây dựng đóng dấu thẩm định); Lưu trữ, lưu giữ hồ sơ của quy hoạch điều chỉnh theo quy định pháp luật;

- Chịu trách nhiệm về: Nội dung, chất lượng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch và tính chính xác các số liệu khảo sát, đánh giá hiện trạng, nguồn gốc sử dụng đất, công trình...; tính chính xác các số liệu trong hồ sơ quy hoạch điều chỉnh; đánh giá các dự án đầu tư xây dựng liên quan tại khu vực lập điều chỉnh quy hoạch trên

địa bàn phù hợp với các định hướng liên quan tại Quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng huyện, không để xảy ra các chồng chéo, tranh chấp, khiếu kiện trong quá trình triển khai. Việc tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và cộng đồng dân cư, tiếp thu, giải trình đảm bảo theo đúng quy định.

b) Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định, tham mưu đề xuất điều chỉnh Quy hoạch phân khu này đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục và theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn,... của pháp luật và các quy định có liên quan.

c) Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND xã Mỹ Thái, UBND xã Lạng Giang theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện quy hoạch được duyệt đảm bảo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Thủ trưởng các cơ quan, địa phương: Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương; Chủ tịch UBND các xã: Mỹ Thái, Lạng Giang và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh (PVT)
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, PCVP.KTN, KTN, KTTH;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thịnh